



SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN ĐỊA PHƯƠNG TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG TẠI RỪNG DỪA BẢY MẪU CẨM THANH – HỘI AN

Nguyễn Bùi Anh Thư, Trương Thị Thu Hà, Lê Minh Tuấn

Khoa Du lịch, Đại học Huế, 22 Lâm Hoàng, Huế, Việt Nam

Tóm tắt: Du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng không chỉ góp phần phát triển kinh tế địa phương, mà còn khuyến khích bảo tồn giá trị truyền thống, cảnh quan thiên nhiên. Mục tiêu của nghiên cứu là phân tích thực trạng tham gia của cộng đồng địa phương tại Rừng dừa Bảy Mẫu – Hội An và đánh giá các nhân tố thúc đẩy và rào cản ảnh hưởng đến sự tham gia của cộng đồng vào hoạt động du lịch. Kết quả nghiên cứu cho thấy sự tham gia của cộng đồng tại địa phương trong cung ứng các dịch vụ du lịch mới chỉ dừng lại ở cấp độ mang tính hình thức hoặc rất thụ động. Nghiên cứu đã chỉ ra và đánh giá được bốn nhóm nhân tố thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng và hai nhóm rào cản hạn chế họ tham gia vào hoạt động du lịch. Một số hàm ý được đề xuất nhằm nâng cao sự đồng thuận và sự tham gia của cộng đồng vào hoạt động du lịch.

Từ khóa: sự tham gia, cộng đồng địa phương, du lịch sinh thái, Bảy Mẫu, Hội An

1. Đặt vấn đề

Nói đến du lịch Việt Nam, không thể không nhắc đến phố cổ Hội An – một đô thị cổ của người Việt, nằm ở vùng hạ lưu ngã ba sông Thu Bồn thuộc vùng đồng bằng ven biển tỉnh Quảng Nam. Phố cổ Hội An trong nhiều năm qua đã không ngừng nâng cấp cơ sở hạ tầng, nâng cao chất lượng dịch vụ, phát triển và vươn lên trở thành một trong những điểm đến hấp dẫn nhất của Việt Nam nói riêng và Châu Á nói chung, thu hút hơn 2 triệu lượt khách mỗi năm với nhiều loại hình du lịch: du lịch di sản, du lịch biển, du lịch ẩm thực, v.v. Đặc biệt, có một loại hình du lịch cũng đang phát triển, đó là du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng (DLSTDVCD - Community-based Ecotourism). Đây loại hình du lịch mang lại cho du khách những trải nghiệm về cuộc sống địa phương, trong đó các cộng đồng địa phương tham gia trực tiếp vào hoạt động du lịch và thu được các lợi ích kinh tế – xã hội và chịu trách nhiệm bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, môi trường và văn hóa địa phương.

Trong vài năm trở lại đây, DLSTDVCD tiếp tục mở rộng đến 2 thôn Vạn Lăng và Thanh Tam Đông, thuộc xã Cẩm Thanh, thành phố Hội An với các hoạt động du lịch gắn với rừng dừa

*Liên hệ: anhthu3005.nguyen@gmail.com

Nhận bài: 02–09–2019; Hoàn thành phản biện: 08–10–2019; Ngày nhận đăng: 05–11–2019

nước được du khách biết đến với cái tên Rừng dừa Bảy Mẫu. Trong giai đoạn kháng chiến chống Pháp và Mỹ, đây là nơi thuận lợi để lập căn cứ địa, nuôi giấu lực lượng cách mạng. Không chỉ có giá trị về mặt lịch sử, Rừng dừa Bảy Mẫu còn là vùng sinh thái độc đáo với hệ rừng ngập nước, cùng với đó là hệ sinh thái phong phú. Việc phát triển DLSTDVCEĐ tại những địa phương nghèo như Cẩm Thanh không chỉ giúp tạo thêm nhiều cơ hội việc làm, cải thiện đời sống cho người dân mà còn giúp nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên, giảm thiểu suy thoái môi trường và phát huy và bảo tồn những nét văn hoá bản địa đặc sắc. Tuy nhiên, sự thành công của mô hình du lịch này phụ thuộc rất nhiều vào việc phối hợp giữa các bên liên quan và đặc biệt là sự tham gia hưởng ứng của cộng đồng cư dân địa phương bởi vì cộng đồng cư dân có vai trò quan trọng trong vấn đề khai thác tài nguyên du lịch để hình thành nên các loại hình và sản phẩm du lịch. Xét ở góc độ khác, cộng đồng địa phương với vốn tri thức kinh nghiệm và truyền thống văn hóa bản địa của chính họ là tài nguyên du lịch văn hóa hấp dẫn khách du lịch. Quyết định của cộng đồng về việc tham gia hay không tham gia, đồng tình hay phản đối hoạt động du lịch ảnh hưởng rất lớn đến tình bền vững của mô hình du lịch cộng đồng tại địa phương.

Bài báo này phân tích mức độ tham gia của người dân nơi đây vào các hoạt động du lịch, cũng như nhận diện những nhân tố thúc đẩy và rào cản ảnh hưởng đến sự tham gia của cộng đồng tại Rừng dừa Bảy Mẫu. Từ đó, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường và duy trì sự tham gia của cộng đồng địa phương trong công tác phát triển DLSTDVCEĐ tại Rừng dừa Bảy Mẫu Cẩm Thanh.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng

Hiệp hội du lịch sinh thái thế giới – TIES [20] đã định nghĩa “*Du lịch sinh thái (DLST) là du lịch có trách nhiệm với các khu thiên nhiên, là nơi bảo tồn môi trường và cải thiện phúc lợi cho người dân địa phương*”. Bên cạnh đó, xem xét khái niệm về du lịch dựa vào cộng đồng, Quỹ quốc tế bảo vệ thiên nhiên WWF [24] định nghĩa như sau: “*Du lịch dựa vào cộng đồng là một hình thức du lịch mà ở đó cộng đồng địa phương có vai trò quan trọng trong kiểm soát và liên quan đến hoạt động du lịch. Sự phát triển, quản lý du lịch và tỉ lệ của những lợi ích còn lại thuộc về cộng đồng*”. Theo Nguyễn Quyết Thắng [5], kinh nghiệm triển khai nhiều dự án trên thế giới đã chỉ ra một trong những nguyên nhân quan trọng làm cho du lịch sinh thái không bền vững đó là sự phản đối của cộng đồng địa phương do DLST không mang lại lợi ích đáng kể cho họ. Để đảm bảo cho DLST có thể hoàn thành cả hai mục tiêu: bảo tồn và phát triển lâu dài, các nhà nghiên cứu đã tiếp cận đến khía cạnh mới đó là du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng.

Hiểu một cách đơn giản nhất, DLSTDVCEĐ là sự kết hợp giữa du lịch cộng đồng và du lịch sinh thái. Theo đó, DLSTDVCEĐ được hiểu là một dạng DLST trong điều kiện cộng đồng địa phương có thực quyền tham gia vào quá trình phát triển và quản lý DLST, phần lớn lợi ích của

hoạt động này thuộc về họ [6]. DLSTDVCEĐ không những là một bậc cao hơn của DLST mà còn là sự phát triển theo hướng bền vững về mặt sinh thái (sinh thái tự nhiên và sinh thái nhân văn) của hoạt động du lịch.

2.2. Sự tham gia của cộng đồng trong du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng

Trước hết, về khái niệm “cộng đồng”, chủ nghĩa Mác – Lenin đề cập cộng đồng là *mối liên hệ qua lại giữa các cá nhân, được quyết định bởi các lợi ích chung của các thành viên có sự giống nhau về điều kiện tồn tại và hoạt động của những con người hợp thành cộng đồng đó, bao gồm các hoạt động sản xuất vật chất và hoạt động khác của họ*. Tất cả các hình thức tự tổ chức mà chúng ta đã biết của con người đều là các kiểu cộng đồng, chỉ khác nhau ở phạm vi không gian – thời gian và nội dung các lợi ích chung. Cộng đồng còn là một tập thể gồm những thành viên gắn với nhau bằng những giá trị chung[4]. Trong khuôn khổ nghiên cứu này, cộng đồng được xem là những người định cư trên một lãnh thổ nhất định, giống nhau về điều kiện tồn tại và hoạt động sản xuất vật chất, có sự gần gũi về tư tưởng, văn hóa, nền sản xuất, có sự quan tâm chia sẻ về quyền lợi và trách nhiệm trong cộng đồng đó.

Nghiên cứu về sự tham gia của cộng đồng trong du lịch, Brohman [10] cho rằng sự tham gia của cộng đồng là một thành phần thiết yếu trong phát triển du lịch cộng đồng, là một công cụ để giải quyết những vấn đề lớn của ngành du lịch ở các nước đang phát triển. Ngoài ra, theo Tosun [23] *“sự tham gia cho phép các cộng đồng địa phương tại các điểm đến du lịch khác nhau ở mức độ phát triển khác nhau tham gia vào quá trình ra quyết định phát triển du lịch bao gồm cả việc chia sẻ lợi ích của việc phát triển du lịch và xác định các loại hình cũng như quy mô phát triển du lịch tại địa phương”*. Cũng theo tác giả này, mục đích chính của phát triển du lịch dựa vào cộng đồng là trao quyền cho cộng đồng sở tại.

DLSTDVCEĐ thường không tồn tại độc lập mà có tính liên kết chặt chẽ với các loại hình du lịch khác để tạo nên những sản phẩm du lịch đảm bảo các nội dung đã nêu ở trên. Theo Thammajinda [19], các dạng tham gia phổ biến của cộng đồng trong hoạt động du lịch sinh thái có thể kể đến như sau:

- Tham gia vào quy hoạch, dự án: tham gia vào các cuộc họp về du lịch tại địa phương, bầu ban quản lý du lịch; thành lập diễn đàn, câu lạc bộ, nhóm, đội, v.v. để thảo luận về du lịch; thành lập quỹ đầu tư du lịch.

- Tham gia kinh doanh: cung cấp dịch vụ du lịch sẵn có của địa phương; đầu tư vào dự án du lịch để thu lợi nhuận; thành lập tổ chức cộng đồng để quản lý công ty du lịch của cộng đồng; cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho công ty lữ hành, v.v.

- Tham gia quảng bá: thiết kế trang thông tin điện tử, website giới thiệu dự án, hoạt động, điểm tham quan, tuyển tham quan; xây dựng phóng sự du lịch về cộng đồng; thiết kế pano, bảng quảng cáo, in tờ rơi, v.v.

Tại Rừng dừa Bảy Mẫu Cẩm Thanh hiện nay, người dân tham gia vào hoạt động DLSTCD thông qua một số hoạt động trên sông nước như chèo thuyền tham quan bằng thuyền, lặn thuyền thúng, biểu diễn hát bả trạo, dùng lá dừa để làm đồ lưu niệm, cung cấp dịch vụ câu cá trong khu sinh thái sau đó tự tay chế biến món ăn; bên cạnh đó còn có một số hoạt động khác như kinh doanh nhà hàng, quán ăn hay phục vụ lại các điểm lưu trú, ăn uống.

2.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự tham gia của cộng đồng vào hoạt động du lịch

2.3.1. Nhân tố thúc đẩy cộng đồng tham gia vào hoạt động du lịch

Các nhân tố thúc đẩy cộng đồng tham gia vào hoạt động du lịch bao gồm:

– *Nhận thức của cộng đồng về tài nguyên và hoạt động du lịch*: đây sự nhận biết tầm quan trọng và vai trò của hoạt động du lịch. Tầm quan trọng mà nhận thức du lịch đem lại là khả năng thu hút thêm nguồn vốn cho du lịch, phát triển nguồn nhân lực du lịch và tăng khả năng tiếp đón khách của cộng đồng tại điểm đến [9].

– *Lợi ích kinh tế*: phát triển du lịch giúp tạo ra khối lượng việc làm đa dạng phù hợp với từng nhóm đối tượng trong cộng đồng. Du lịch phát triển kéo theo các ngành liên quan phát triển và tạo ra nhiều cơ hội việc làm cho cư dân địa phương cải thiện cuộc sống [11].

– *Điều kiện về cơ chế và chính sách*: nếu nhà nước có chủ trương chính sách thuận lợi cho đầu tư phát triển du lịch, hỗ trợ địa phương vay vốn, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, miễn giảm thuế phí, hỗ trợ đào tạo về du lịch cũng như chuyển đổi ngành nghề, v.v. thì sẽ nhận được sự tham gia tích cực từ phía cộng đồng. Sự ủng hộ của chính quyền địa phương cũng có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự hưởng ứng của cộng đồng. Sự ủng hộ của chính quyền địa phương thể hiện ở việc tạo điều kiện cho khách đến tham quan, khuyến khích, hỗ trợ người dân làm du lịch.

– *Nguồn lực của hộ gia đình*: bao gồm nguồn nhân lực (chất lượng và số lượng lao động), nguồn vốn xã hội (mối quan hệ họ hàng, thân quen), nguồn vốn tự nhiên (đất đai thuộc sở hữu của hộ), nguồn vốn vật chất (cơ sở vật chất, trang thiết bị phương tiện của hộ), nguồn vốn tài chính (vốn).

Ngoài ra, sự hỗ trợ giúp đỡ từ các tổ chức phi chính phủ, các công ty lữ hành về nguồn khách, tài chính và kinh nghiệm phát triển du lịch cũng là những yếu tố quan trọng thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng vào hoạt động du lịch.

2.3.2. Rào cản hạn chế sự tham gia của cộng đồng tham gia vào hoạt động du lịch

Theo Tosun [22], rào cản ảnh hưởng đến sự tham gia của cộng đồng được chia thành ba loại: hạn chế ở các cấp độ điều hành điều hành, hạn chế về cấu trúc và hạn chế về văn hóa, nhận thức. Trên mức độ lý thuyết, các rào cản/hạn chế như vậy không loại trừ lẫn nhau. Đây cũng là nguyên nhân gây ra giới hạn cho các cộng đồng tham gia vào hoạt động du lịch.

– Rào cản ở cấp độ điều hành hoạt động du lịch thường liên quan đến các thủ tục hành chính, việc tập trung hóa quản lý hành chính công trong phát triển du lịch, sự thiếu phối hợp giữa các bên liên quan và thiếu thông tin cho người dân địa phương.

– Rào cản về cơ chế, chính sách bao gồm thiếu hệ thống pháp luật phù hợp, nguồn nhân lực, nguồn tài chính, chi phí duy trì sự tham gia và ảnh hưởng của sự thống trị (kiểm soát) từ bên ngoài.

– Rào cản về văn hóa, nhận thức bao gồm sự hạn chế về năng lực của người nghèo, sự thờ ơ và mức độ nhận thức thấp trong cộng đồng địa phương.

3. Mô hình và phương pháp

3.1. Mô hình nghiên cứu

Để đánh giá một cách tổng quan và lựa chọn thang đo mức độ tham gia của cộng đồng vào hoạt động du lịch phù hợp với mục tiêu nghiên cứu, tác giả tiến hành so sánh ba mô hình/thang đo của Pretty, Arnstein và Tosunqua (Bảng 1).

Bảng 1. So sánh các thang đo mức độ tham gia của cộng đồng

7	Tham gia chủ động	8	Kiểm soát	Tham gia thực sự	3	Tham gia tự nguyện
		7	Được trao quyền			
6	Tham gia tương tác	6	Đối tác			
5	Tham gia các hoạt động chức năng	5	Giám thiểu	Tham gia hình thức	2	Tham gia thụ động
4	Tham gia vì ưu đãi vật chất	4	Tư vấn			
3	Tham gia tư vấn	3	Thông báo			
2	Tham gia cung cấp thông tin	2	Biện pháp phù hợp	Không tham gia	1	Cưỡng chế tham gia
1	Tham gia thụ động	1	Vận động / lôi kéo			
Pretty [16]		Sherry Arnstein [18]			Cevat Tosun [21]	

Có thể thấy trong khi thang đo của Arnstein [18] xem xét sự tham gia từ quan điểm người tiếp nhận cuối cùng thì Pretty [16] lại nói rõ hơn về người sử dụng các cách tiếp cận tham gia. Hơn nữa, việc phân loại sự tham gia của Pretty không giới hạn ở vùng thành thị như của

Arnstein. Các loại hình tham gia của Pretty bắt đầu từ tham gia mức thấp và tăng dần lên các mức độ tham gia cao hơn như ở Bảng 1. Cách thức phân loại mức độ tham gia của Tosun [21] thì mang tính khái quát, không đi sâu vào chi tiết hình thức tham gia. Chính vì vậy, tác giả vận dụng mô hình của Pretty [16] để phân loại mức độ tham gia của cộng đồng vào hoạt động du lịch tại Rừng dừa Bảy Mẫu. Những tiêu chí cụ thể mô hình 7 bậc của Pretty [16] như sau:

– *Tiêu chí cho bậc 1 (Thụ động)*: Cộng đồng được thông báo về việc phát triển du lịch, địa phương sẽ chuyển đổi sinh kế bằng các dịch vụ du lịch.

– *Tiêu chí cho bậc 2 (Thông tin)*: Cộng đồng cung cấp thông tin hoặc trả lời các câu hỏi liên quan đến phát triển các dịch vụ du lịch tại địa phương khi được các cơ quan, tổ chức bên ngoài tham vấn.

– *Tiêu chí cho bậc 3 (Tư vấn)*: Cộng đồng tham gia các buổi họp liên quan đến chuyển đổi sinh kế truyền thống sang phát triển các dịch vụ du lịch tại địa phương.

– *Tiêu chí cho bậc 4 (Khuyến khích)*: Cộng đồng tham gia làm việc trong các cơ sở kinh doanh du lịch; cung cấp hàng hóa, thực phẩm cho các doanh nghiệp; cung cấp dịch vụ du lịch một cách tự phát.

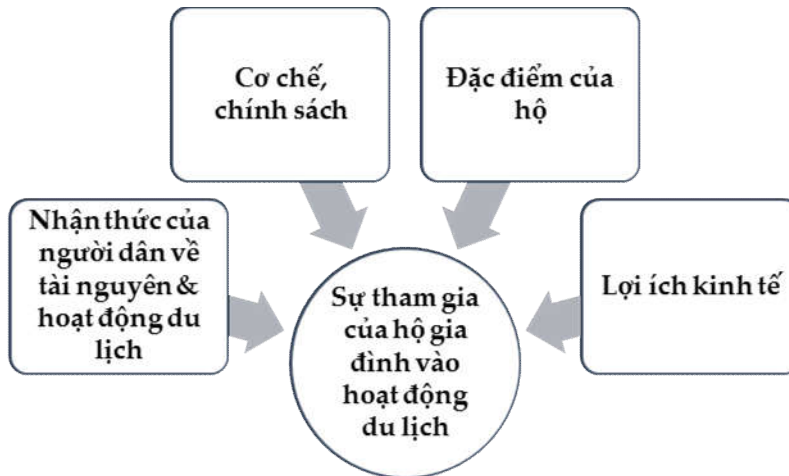
– *Tiêu chí cho bậc 5 (Chức năng)*: Cộng đồng tham gia vào các nhóm chức năng du lịch (nhóm quản lý, nhóm văn nghệ, nhóm ẩm thực, nhóm hướng dẫn, nhóm sản xuất đặc sản địa phương) dưới sự giám sát của chính quyền hoặc các tổ chức bên ngoài.

– *Tiêu chí cho bậc 6 (Tương tác)*: Cộng đồng sở hữu doanh nghiệp kinh doanh du lịch, tham gia vào quá trình phân tích, lập kế hoạch, góp phần trong việc ra quyết định liên quan đến phát triển dịch vụ du lịch tại địa phương.

– *Tiêu chí cho bậc 7 (Chủ động)*: Cộng đồng tự đưa ra sáng kiến và chủ động liên hệ tìm kiếm sự giúp đỡ bên ngoài, giữ quyền kiểm soát, quyết định, tự đầu tư và mở rộng hoạt động kinh doanh du lịch.

Nhằm mục đích phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự tham gia của hộ gia đình vào hoạt động DLST, tác giả đã tiến hành phỏng vấn đại diện các tổ chức và điều tra xã hội học bằng bảng hỏi các hộ gia đình đã tham gia và chưa tham gia vào hoạt động du lịch, kết hợp việc vận dụng mô hình tiền nhiệm [12,14,15], nghiên cứu đã rút ra các yếu tố có tác động mạnh mẽ đến mức độ tham gia của hộ gia đình đến hoạt động du lịch. Quá trình xây dựng nội dung bảng hỏi và thang đo sẽ loại bỏ những yếu tố không thật sự cần thiết và bổ sung, thay đổi tên gọi các yếu tố để phù hợp với tình hình thực tế. Do đó, kết quả thảo luận sẽ là cơ sở điều chỉnh mô hình nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu định tính đều đồng ý các nhân tố: *Nhận thức của người dân về tài nguyên và hoạt động du lịch; Cơ chế, chính sách của chính quyền/cơ quan quản lý nhà nước về du lịch; Đặc điểm của hộ; Lợi ích kinh tế* có ảnh hưởng rất lớn đến sự quan tâm của hộ gia

đình đến hoạt động du lịch tại địa phương. Mô hình nghiên cứu đánh giá mức độ của các nhân tố ảnh hưởng đến sự tham gia của cộng đồng vào hoạt động du lịch được trình bày ở Hình 1.



Hình 1. Mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến sự tham gia của hộ gia đình vào hoạt động du lịch

Nguồn: Nghiên cứu của tác giả, 2018

3.2. Phương pháp

Để nghiên cứu sự tham gia của người dân vào hoạt động DLSTDVCD tại Rừng dừa Bảy Mẫu, nghiên cứu sử dụng phương pháp tổng hợp tài liệu, phương pháp thu thập số liệu, điều tra chọn mẫu, phương pháp xử lý và phân tích số liệu, trong đó, kết hợp giữa nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng, lấy nghiên cứu định lượng là phương pháp chính. Đầu tiên, tiến hành gặp trực tiếp, phỏng vấn trao đổi với các chuyên gia, các nhà quản lý công ty Du lịch lữ hành, các cơ sở dịch vụ du lịch để xin ý kiến đánh giá về các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức đối với hoạt động DLSTDVCD cũng như sự tham gia của người dân địa phương tại Rừng dừa Bảy Mẫu Cẩm Thanh.

Tiếp theo, dựa trên khung nghiên cứu đã thiết lập, tác giả tiến hành lấy ý kiến của những người có thu nhập từ du lịch và những người không tham gia vào hoạt động du lịch tại khu vực Rừng dừa, họ là chủ hộ hoặc thành viên của hộ gia đình trên 18 tuổi. Cuộc điều tra được thực hiện dưới sự giám sát và hỗ trợ của phỏng vấn viên trong khoảng thời gian 12 tuần từ đầu tháng 6/2018 đến cuối tháng 8/2018. Bảng hỏi được nhóm khảo sát đến tận nhà phát cho người dân. Đa số các bảng hỏi được người khảo sát đọc trực tiếp để đối tượng được khảo sát trả lời sau đó người khảo sát đánh dấu vào đáp án tương ứng. Trong quá trình lấy mẫu khảo sát, nếu quá trình phỏng vấn bị gián đoạn thì phiếu đó bị loại; còn lại là những phiếu thỏa mãn yêu cầu để đưa vào quá trình phân tích kết quả.

Số lượng mẫu dự kiến khảo sát được tính theo công thức Linus Yamane [13]

$$n = \frac{N}{1 + N.e^2}$$

trong đó n là quy mô mẫu; N là kích thước mẫu; chọn khoảng tin cậy 92%, mức sai lệch cho phép là $e = 8\%$.

Tổng số người dân tại khu vực Rừng dừa Bảy Mẫu Cẩm Thanh (N) là 432 người (Số liệu từ Ủy ban nhân dân xã Cẩm Thanh). Từ đó ta có số mẫu cần điều tra là 115. Để đảm bảo tránh sai số, số lượng được điều tra là 130 bảng hỏi, thu về 122 bảng hợp lệ để đưa vào phân tích.

Sau khi thu thập bảng hỏi điều tra, tiến hành hiệu chỉnh, mã hóa dữ liệu và loại bỏ các bảng hỏi không đạt yêu cầu. Sử dụng phương pháp phân tích thống kê bằng phần mềm SPSS 22.0 để phân tích số liệu. Theo đó, tác giả sử dụng thang điểm Likert để lượng hóa các mức độ tham gia của người dân, tiếp theo tiến hành phân tích thống kê mô tả và phân tích Anova một yếu tố nhằm so sánh ý kiến giữa các nhóm đối tượng khác nhau.

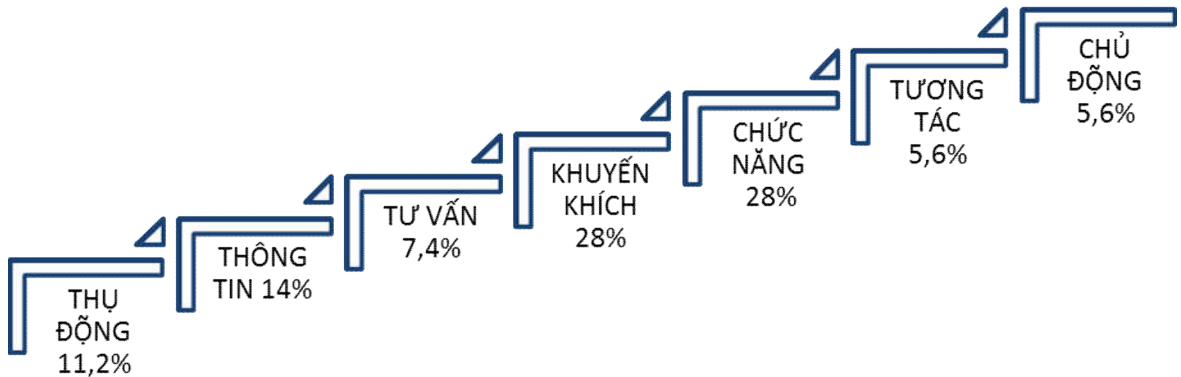
4. Kết quả và thảo luận

4.1. Thực trạng tham gia của người dân địa phương vào hoạt động du lịch

4.1.1. Công tác hoạch định chiến lược và quy hoạch phát triển du lịch

Tác giả sử dụng thang đo theo Pretty để đo lường mức độ tham gia của cộng đồng vào công tác hoạch định và quy hoạch phát triển du lịch địa phương, đi từ mức độ thấp nhất là thụ động đến mức độ cao nhất là chủ động tương ứng với các nhóm câu hỏi khác nhau cho mỗi mức độ. Theo đó, khảo sát viên sẽ hướng dẫn người dân chỉ chọn vào mức độ tham gia cao nhất của họ để tránh sự trùng lặp trong các ý kiến trả lời. Tác giả sử dụng phần mềm để phân tích thống kê mô tả, phân tích tần số của từng câu hỏi/nhóm câu hỏi tương ứng với các mức độ tham gia.

Kết quả xử lý số liệu về mức độ tham gia của cộng đồng địa phương vào công tác hoạch định chiến lược và quy hoạch phát triển du lịch tại địa phương được trình bày ở Hình 1.



Hình đồ 1. Mức độ tham gia của cộng đồng vào công tác hoạch định chiến lược và quy hoạch phát triển du lịch tại địa phương

Nguồn: Tổng hợp và xử lý dữ liệu của tác giả, 2018

Như vậy, có thể nhận thấy người dân tham gia đạt tỉ lệ cao nhất ở bậc **Khuyến khích** (bậc 4) với 28%. Ý nghĩa của bậc này là người dân tham gia hoạt động du lịch khi nhìn thấy được lợi ích và họ được trả công (chưa tương xứng). Ngành du lịch đem lại cho người dân địa phương cơ hội việc làm tốt hơn sinh kế truyền thống, nguồn thu nhập gia tăng đáng kể cùng với sự cải thiện các công trình phúc lợi xã hội, vì thế tỉ lệ cộng đồng chủ yếu tham gia ở mức này là tương đối cao so với các bậc tham gia khác. Hình thức biểu hiện của sự tham gia này là việc cung cấp dịch vụ du lịch một cách tự phát hoặc tham gia phục vụ ở dạng cung cấp sức lao động cho các cơ sở kinh doanh du lịch. Thực tế khảo sát và nghiên cứu của tác giả cho thấy số lượng lao động biến động thường xuyên do tính thời vụ trong kinh doanh du lịch tại địa phương.

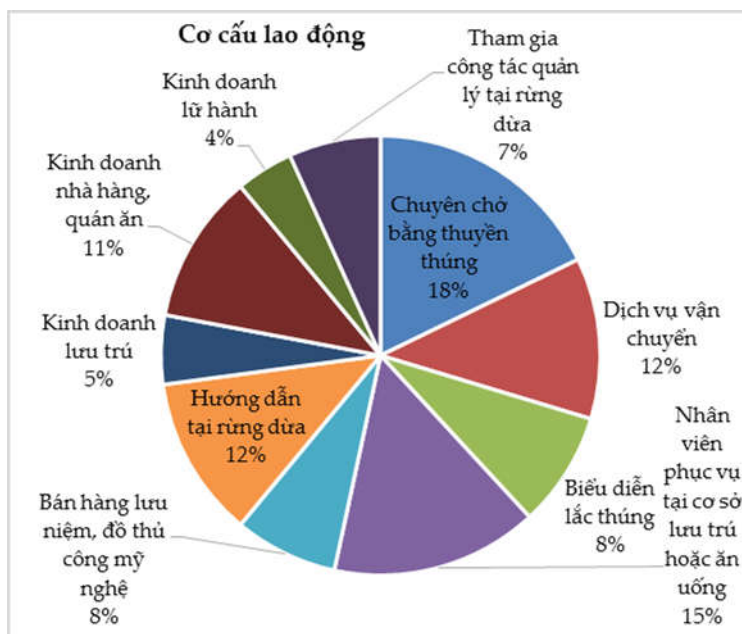
Khảo sát cho thấy 28% cộng đồng tham gia ở mức **Chức năng** (bậc 5). Hình thức biểu hiện của mức này là cộng đồng tham gia vào các nhóm chức năng để đáp ứng mục tiêu từng phần liên quan đến dự án cụ thể cộng đồng cư dân địa phương tham gia các nhóm chèo thuyền, biểu diễn lắc thuyền, chụp ảnh, hướng dẫn, bán hàng giải khát và lưu niệm dưới sự hỗ trợ, chỉ đạo từ Ban Quản lý Rừng dừa. Đặc điểm của người dân nhóm này là sinh sống tập trung ở khu vực này lâu năm. Trình độ học vấn, kỹ năng nghề du lịch và kỹ năng giao tiếp bằng ngoại ngữ với du khách còn thấp. Mức độ ổn định về thu nhập chưa cao (do ảnh hưởng của tính thời vụ du lịch tại địa phương), nhóm chèo thuyền với mức thu nhập cao hơn.

Bên cạnh đó, **Tương tác** và **Chủ động** là hai mức độ cao nhất xét về sự tham gia lại đạt tỷ lệ thấp nhất (5,6% với mỗi mức độ). Theo đó, đối tượng tham gia ở mức **Tương tác** là một số người dân địa phương có học vấn cao (cao đẳng, đại học và sau đại học) giữ chức vụ cao trong chính quyền các cấp (hội đồng nhân dân, cán bộ ban quản lý Rừng dừa) và tham gia vào quá trình hoạch định chiến lược và quy hoạch phát triển du lịch ở địa phương. Đối với nhóm này,

sự tham gia được xem như là một quyền lợi (vật chất, thông tin, cơ hội, mối quan hệ xã hội) và là một nghĩa vụ đối với chính quyền. Nội dung đối với sự tham gia tương tác liên quan đến việc tìm kiếm đa quan điểm trong việc hoạch định chiến lược và quy hoạch phát triển du lịch ở địa phương và tận dụng kinh nghiệm của họ đối với cộng đồng địa phương. Nhóm này có quyền kiểm soát việc ra quyết định và xác định cách mà nguồn tài nguyên du lịch được sử dụng để giúp người dân địa phương có vai trò quan trọng trong việc duy trì cấu trúc trong việc tham gia hoạch định chiến lược và quản lý du lịch tại địa phương. Ở bậc **Chủ động** (bậc 7) thì hình thức biểu hiện tham gia là người dân tự đưa ra các sáng kiến kinh doanh du lịch độc lập với các tổ chức bên ngoài (chính quyền/cơ quan quản lý nhà nước về du lịch, dự án).

Tóm lại, sự tham gia của cộng đồng trong cung ứng các dịch vụ du lịch và lập kế hoạch phát triển du lịch tại Rừng dừa Bảy Mẫu chỉ mang tính hình thức hay thụ động và chưa tương xứng với vai trò của người dân đối với tài nguyên du lịch và có nguy cơ ngành du lịch địa phương phát triển không theo hướng bền vững.

4.1.2. Hoạt động cung ứng dịch vụ du lịch



Hình 2. Cơ cấu lao động (mẫu khảo sát) tham gia các nhóm nghề trong ngành du lịch tại khu vực Rừng dừa Bảy Mẫu

Nguồn: Xử lý số liệu điều tra của tác giả, 2018

Theo Hình 2, có 76,2% người dân thường xuyên gặp gỡ, tiếp xúc với khách du lịch; 23,8% dừng lại ở mức độ thỉnh thoảng tiếp xúc và không có ai là chưa bao giờ tiếp xúc với khách. Đối với những người dân có tham gia vào hoạt động cung ứng dịch vụ du lịch, số lượng lao động phổ thông (chèo thuyền, lắc thúng, phục vụ) khá nhiều (hơn 41%) và chiếm tỷ lệ cao trong tổng

số lao động làm việc trong ngành du lịch tại địa phương. Bên cạnh đó, một số dịch vụ khác như kinh doanh dịch vụ lữ hành, bán hàng lưu niệm và ăn uống chiếm tỷ lệ khá thấp, lần lượt là 4%, 8% và 11%.

Nhìn chung, người dân địa phương sinh sống quanh khu vực Rừng dừa Bảy Mẫu có xu hướng ưu tiên lựa chọn nghề nghiệp liên quan đến ngành du lịch nhằm đảm bảo sinh kế hộ gia đình và tận dụng nguồn lực thiên nhiên sẵn có tại địa phương. Tuy nhiên, các dịch vụ này đa phần là tự phát và sao chép lẫn nhau; người dân thiếu kỹ năng nghề, kỹ năng giao tiếp bằng tiếng nước ngoài còn hạn chế. Điều này dẫn đến kết quả là thiếu sự chuyên nghiệp trong cung ứng dịch vụ. Ngoài ra, tại các khách sạn, nhà hàng tư nhân có quy mô nhỏ, lao động biến động thường xuyên do tính thời vụ trong kinh doanh du lịch.

4.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự tham gia của người dân vào hoạt động du lịch

Nghiên cứu định tính được thực hiện thông qua phỏng vấn đại diện các tổ chức, điều tra xã hội học bằng bảng hỏi các hộ gia đình đã tham gia và chưa tham gia vào hoạt động du lịch, kết hợp việc vận dụng mô hình tiền nhiệm [12,14,15]. Kết quả thu được cho thấy các nhân tố: (1) *Nhận thức của người dân về tài nguyên và hoạt động du lịch*; (2) *Cơ chế, chính sách của chính quyền/cơ quan quản lý nhà nước về du lịch*; (3) *Đặc điểm hộ gia đình*; (4) *Lợi ích kinh tế* là những yếu tố có ảnh hưởng rất lớn đến sự quan tâm của hộ gia đình đến hoạt động du lịch tại địa phương

Bảng 2. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự tham gia của hộ gia đình vào hoạt động DLSTDVCEĐ tại Rừng dừa Bảy Mẫu Cẩm Thanh

Nhân tố	Tiêu chí	GTTB	Giới tính	Độ tuổi	Trình độ	Nghề nghiệp
Nhận thức của người dân	Giá trị tài nguyên du lịch của địa phương phong phú	4,25	ns	ns	ns	*
	Việc khai thác các tài nguyên đảm bảo tính bền vững	3,13	*	ns	ns	ns
	Tài nguyên thiên nhiên độc đáo	4,29	ns	ns	*	ns
Cơ chế, chính sách	Chính sách phát triển du lịch phù hợp với kiện thực tiễn của địa phương	4,43	ns	ns	ns	ns
	Cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng của địa phương	4,26	ns	ns	ns	ns
	Cơ chế quản lý, thủ tục hành chính	4,43	ns	ns	ns	ns
	Công bằng, minh bạch về việc chia sẻ lợi ích	4,07	*	ns	ns	ns
	Đối thoại gắn kết giữa các bên liên quan	4,29	*	ns	ns	ns
	Cơ chế giải quyết khi có xung đột lợi ích xảy ra	4,24	**	ns	ns	ns
Đặc điểm	Vốn tự nhiên	3,86	ns	ns	ns	ns

hộ gia đình	Nguồn vốn xã hội	3,86	*	ns	ns	ns
	Tài chính	3,93	ns	ns	ns	ns
	Nguồn nhân lực của hộ	3,95	ns	ns	ns	ns
	Cơ sở vật chất, trang thiết bị phương tiện của hộ	3,89	ns	ns	ns	ns
Lợi ích kinh tế	Du lịch như là một sinh kế bền vững của hộ gia đình	4,62	ns	ns	ns	ns
	Cơ hội việc làm từ du lịch	4,50	*	ns	ns	ns
	Cơ hội thu nhập từ hoạt động du lịch ở địa phương	4,52	ns	ns	ns	ns
	Du lịch thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương	4,0	ns	ns	ns	ns
<p><i>Ghi chú:</i> 1. Đối với nhân tố Nhận thức của người dân: Theo thang đo từ 1. Hoàn toàn không đồng ý đến 5: Rất đồng ý; 2. Đối với các nhân tố còn lại: Theo thang đo từ 1: Hoàn toàn không quan trọng đến 5: Rất quan trọng; 3. Mức ý nghĩa: $p \leq 0,05$ (**); $0,05 < p \leq 0,10$ (*); $Sig. > 0,1$ (ns): Không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê</p>						

– Đối với nhân tố **Nhận thức của hộ gia đình về giá trị tài nguyên và hoạt động du lịch:** Kết quả nghiên cứu cho thấy người dân đánh giá rất cao tiêu chí “*Tài nguyên thiên nhiên độc đáo*” với giá trị trung bình (GTTB) là 4,29, nhưng tiêu chí “*Khai thác các tài nguyên du lịch bền vững*” với GTTB chỉ đạt 3,13. Nguyên nhân của hiện tượng này là sự phát triển quá nóng của các tua du lịch sông nước. Lượng khách đổ về Khu du lịch sinh thái Rừng dừa Bảy Mẫu có sự gia tăng, có ngày tăng đến 2.000 người, thậm chí cao hơn, nhất là dịp cuối tuần hay lễ tết. Điều này dễ dẫn đến tình trạng tắc nghẽn và quá tải du lịch, làm suy giảm chất lượng trải nghiệm của du khách; cảnh quan, môi trường bị xâm hại; lợi ích của một số bộ phận cư dân sinh sống bị ảnh hưởng. Ngoài ra, ông Nguyễn Hùng Linh, Phó Chủ tịch UBND xã Cẩm Thanh cho rằng âm thanh từ hàng chục chiếc loa di động trên sông nhằm phục vụ du khách khiến khu vực này ô nhiễm tiếng ồn nghiêm trọng. Nhận thức của người dân về giá trị tài nguyên là yếu tố quan trọng hình thành sự quan tâm vào hoạt động du lịch tại địa phương. Điều này giúp tăng cường khả năng thu hút thêm nguồn vốn cho du lịch, phát triển nguồn nhân lực du lịch và tăng khả năng tiếp đón khách của cộng đồng tại điểm đến [9]. Với những vấn đề trong khai thác tài nguyên trên, cần có những giải pháp kịp thời nhằm khắc phục tình trạng hiện nay.

– Đối với nhân tố **Cơ chế, chính sách:** Kết quả xử lý số liệu điều tra cho thấy người dân đánh giá rất cao tiêu chí “*Chính sách phát triển du lịch phù hợp với kiện thực tiễn của địa phương*” và “*Cơ chế quản lý, thủ tục hành chính*” với GTTB là 4,43. Với kết quả trên, yêu cầu đặt ra cho chính quyền/cơ quan quản lý nhà nước về du lịch là phải xây dựng một khung pháp lý rõ ràng, theo đó cộng đồng địa phương chia sẻ trách nhiệm quản lý (đồng quản lý) và lợi ích thu được với các bên liên quan. Theo kết quả phân tích kiểm định student mẫu độc lập và phân tích phương

sai một chiều, xét theo giới tính, có sự khác biệt về đánh giá của người dân đối với các tiêu chí “Công bằng, minh bạch về việc chia sẻ lợi ích”, “Đôi thoại gắn kết giữa các bên liên quan” và “Cơ chế giải quyết khi có xung đột lợi ích xảy ra”. Trong đó, mức độ khác biệt có ý nghĩa thống kê cao thuộc về nhân tố “Cơ chế giải quyết khi có xung đột lợi ích xảy ra”. Nguyên nhân là do chênh lệch trình độ học vấn, nhận thức và công việc đặc thù giữa nam và nữ tham gia khảo sát. Nam giới chủ yếu tham gia vào cung ứng dịch vụ chèo thuyền thúng và biểu diễn lắc thúng (mức thu nhập cao hơn các nghề khác) và tham gia công tác quản lý (yêu cầu trình độ học vấn cao, tiếp xúc nhiều với các chế độ chính sách). Nữ giới tại địa phương trình độ trình độ học vấn thấp, công việc trước khi tham gia vào ngành du lịch chủ yếu là làm nông nghiệp và nội trợ.

– Đối với nhân tố **Đặc điểm hộ gia đình**: tiêu chí “Nguồn nhân lực của hộ” được đánh giá cao nhất với GTTB là 3,95. Điều này cho thấy người dân nhận thức cao về điều kiện của hộ gia đình để tham gia vào hoạt động du lịch do cộng đồng cư dân khu vực Rừng dừa là những người dân có trình độ học vấn thấp và sinh kế và lối sống trước đây phụ thuộc tự nhiên trong một thời gian dài. Kết quả so sánh giữa các nhóm cho thấy theo giới tính có sự khác biệt về đánh giá của người dân khác nhau ở đối với nhân tố về tiêu chí “Nguồn vốn xã hội” (các mối quan hệ họ hàng, thân quen với cá nhân có tầm ảnh hưởng, nhà cung ứng, v.v.). Nguyên nhân của sự khác biệt nằm ở vai trò của nam giới trong các hộ gia đình. Họ là trụ cột gia đình và có nhiều cơ hội để xây dựng các mối quan hệ xã hội hơn phụ nữ.

– Đối với nhân tố **Lợi ích kinh tế**: kết quả khảo sát cho thấy ba tiêu chí: “Du lịch như là một sinh kế bền vững của hộ gia đình”; “Cơ hội việc làm từ du lịch” và “Cơ hội thu nhập từ hoạt động du lịch ở địa phương” được đánh giá cao nhất với GTTB lần lượt là 4,62; 4,52 và 4,50. Điều này cho thấy lợi ích kinh tế là nhân tố đóng vai trò quyết định đối với sự tham gia của người dân vào hoạt động du lịch. Ngoài ra, hầu như không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về các yếu tố liên quan đến đánh giá về mức độ quan trọng của nhân tố **Lợi ích kinh tế** của người dân ở giới tính, độ tuổi, trình độ và nghề nghiệp. Điều này cho thấy tất cả người dân nhận thức rõ và rất quan tâm đối với các lợi ích kinh tế khi tham gia hoạt động du lịch.

Tóm lại, cả bốn nhóm nhân tố trên đều ảnh hưởng đến sự tham gia của cộng đồng vào hoạt động du lịch với các mức độ ảnh hưởng khác nhau. Theo kết quả xử lý và phân tích số liệu thì nhân tố **Lợi ích kinh tế** là động lực lớn nhất, có tác động mạnh nhất đến sự tham gia của cộng đồng vào hoạt động du lịch tại địa phương (GTTB của tất cả các tiêu chí là 4,41). Lợi ích kinh tế luôn là mối quan tâm hàng đầu của người dân. Tiếp theo, lần lượt là ảnh hưởng của các nhân tố cơ chế, chính sách và đặc điểm của hộ gia đình.

4.3. Các rào cản hạn chế sự tham gia của hộ gia đình vào hoạt động du lịch

Để nhận diện các rào cản hạn chế sự tham gia của hộ gia đình vào hoạt động du lịch tại khu vực Rừng dừa Bảy Mẫu, tác giả đã tìm hiểu ý kiến của các bên liên quan (bảng 3), bao gồm tất cả những rào cản được xác định bởi Tosun dựa trên những đặc điểm riêng của địa phương.

Đầu ra của quá trình tham vấn này là thông tin mô tả những rào cản và mức độ ảnh hưởng của các rào cản đến sự tham gia của cộng đồng cư dân khu vực Rừng dừa vào hoạt động du lịch.

Bảng 3. Đánh giá của người dân về những rào cản hạn chế sự tham gia của hộ gia đình vào hoạt động du lịch

TT	Tiêu chí	So sánh ý kiến giữa các nhóm				
		GTTB	Giới tính	Độ tuổi	Trình độ	Nghề nghiệp
Các rào cản về cơ chế và nguồn lực						
F1	Chính sách phát triển du lịch của địa phương chưa hoàn thiện, chưa phù hợp	4,28	ns	ns	ns	**
F2	Thiếu khung pháp lý về đồng quản lý và chia sẻ lợi ích	4,64	ns	ns	ns	ns
F3	Nguồn vốn ưu đãi xã hội còn hạn chế	4,0	ns	ns	ns	ns
F4	Nguồn lực của hộ gia đình chưa đủ điều kiện (<i>số lao động, kiến thức, kỹ năng, ngoại ngữ, vốn</i>)	4,52	ns	ns	ns	ns
F5	Thiếu đối thoại và gắn kết giữa các bên liên quan	4,2	ns	ns	ns	ns
F6	Xung đột lợi ích và chưa có cơ chế giải quyết xung đột	4,48	**	ns	**	**
F7	Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất phục vụ hoạt động du lịch chưa đảm bảo	4,02	ns	ns	ns	ns
Các rào cản về tổ chức hoạt động kinh doanh						
F8	Thu nhập từ hoạt động du lịch thấp	4,7	**	ns	*	ns
F9	Ảnh hưởng tiêu cực của tính thời vụ du lịch địa phương dẫn tới thu nhập bấp bênh, sinh kế không bền vững	4,64	ns	ns	ns	ns
F10	Thiếu thông tin, tư vấn về thị trường, sản phẩm du lịch và các dự án du lịch	4,29	ns	ns	ns	**
F11	Thủ tục hành chính, kinh doanh chưa được đơn giản hóa, chưa thuận lợi	4,01	ns	ns	ns	ns
<p><i>Ghi chú:</i> 1. Theo thang đo từ 1: Hoàn toàn không đồng ý đến 5: Rất đồng ý; 2. Mức ý nghĩa: $p \leq 0,05$ (**); $0,05 < p \leq 0,10$ (*); $Sig. > 0,1$ (ns): Không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê</p>						

Nguồn: Xử lý số liệu điều tra tháng 10/2018

Kết quả từ bảng 3 cho thấy tiêu chí “*Thu nhập từ hoạt động du lịch thấp*” có GTTB cao nhất (4,70). Đây cũng chính là thách thức, rào cản lớn nhất hạn chế sự tham gia của hộ gia đình vào hoạt động du lịch.

Bên cạnh đó, tiêu chí “*Ảnh hưởng tiêu cực của tính thời vụ du lịch*” tại khu vực Rừng dừa

Bảy Mẫu cũng là một rào cản hạn chế sự tham gia của cộng đồng vào hoạt động du lịch địa phương. Đặc điểm của hoạt động du lịch ở đây phụ thuộc hoàn toàn vào tình trạng của thời tiết (mưa, bão, lượng mưa, mực nước sông) và lượng khách vào các dịp cao điểm nghỉ lễ. Tính thời vụ du lịch ảnh hưởng bất lợi đến tất cả các thành phần tham gia vào hoạt động du lịch: cư dân sở tại, chính quyền địa phương và nhất là đến khách du lịch và cộng đồng kinh doanh du lịch. Vào mùa cao điểm (nghỉ lễ 30/4 và các tháng 6, 7, 8), lượng khách du lịch tham quan khu vực Rừng dừa tăng đột biến gây nên sự mất cân đối, mất ổn định đối với các phương tiện giao thông đại chúng, mạng lưới phục vụ xã hội (giao thông công chính, điện, nước, mạng lưới thương nghiệp, v.v.) làm ảnh hưởng đến cuộc sống sinh hoạt hằng ngày của người dân. Mặc dù vậy, vào mùa cao điểm, thu nhập mà đa số người dân thu được vẫn chiếm tỷ trọng thấp so với thu nhập của các đơn vị khác (bán vé tham quan, nhà hàng, khách sạn, công ty lữ hành). Thực trạng hiện nay là khách du lịch nội địa đã và đang có xu hướng chỉ lựa chọn tham quan khu vực Rừng dừa Bảy Mẫu nhưng sử dụng dịch vụ lưu trú, ăn uống và giải trí tập trung ở thành phố Hội An. Khi nhu cầu du lịch giảm xuống vào mùa mưa lũ (tháng 10 và tháng 11) thì nhu cầu lao động du lịch giảm rất nhanh, dẫn đến tình trạng khó khăn trong việc tổ chức và sử dụng nhân lực tại địa phương, thu nhập của người dân cũng giảm xuống, sinh kế không bền vững.

Tiêu chí "*Thiếu khung pháp lý về đồng quản lý và chia sẻ lợi ích*" với GTTB là 4,48. Người dân ở thôn Thanh Tam Đông và Vạn Lăng có thời gian sống lâu năm tại địa phương và là chủ thực sự của tài nguyên du lịch nhưng vai trò, lợi ích của họ chưa được quan tâm đúng mức. Khi kết hợp với tiêu chí "*Thiếu đối thoại và gắn kết các bên liên quan*" (GTTB 4,2) có thể thấy hoạt động phát triển du lịch của địa phương chịu sự quản lý, kiểm soát từ trên xuống, thiếu vắng sự phản hồi từ dưới lên (quá trình trao đổi thông tin hai chiều).

Bên cạnh đó, tiêu chí "*Thiếu thông tin, tư vấn về thị trường, sản phẩm du lịch và các dự án du lịch*" có GTTB là 4,29. Kết quả đó cho thấy rằng người dân đang gặp rất nhiều khó khăn trong việc tiếp cận và cập nhật thông tin về phát triển du lịch địa phương nói chung và các dự án du lịch nói riêng. Nguyên nhân đó là các cuộc họp chỉ bao gồm một số người mang tính đại diện, xung đột lợi ích khi chia sẻ thông tin và hạn chế về trình độ của chính cộng đồng.

Ngoài ra, rào cản "*Xung đột lợi ích và chưa có cơ chế giải quyết xung đột*" (GTTB 4,48) đã ảnh hưởng đến sự tham gia của hộ gia đình vào hoạt động du lịch tại địa phương. Hiện nay đang tồn tại xung đột lợi ích giữa các bên liên quan như sau: Xung đột trong cộng đồng cùng làm du lịch; giữa dân cư sống lâu năm với dân nhập cư, nhà đầu tư; xung đột trong công tác bảo tồn và phát triển du lịch.

5. Kết luận

Nghiên cứu sự tham gia của cộng đồng vào hoạt động du lịch là nhằm hướng tới du lịch

bền vững. Trong đó, chú trọng đến mục tiêu xây dựng cộng đồng hành động để tham gia tích cực hơn vào các hoạt động du lịch. Theo đó, người dân được trao quyền cả về kinh tế, xã hội và giá trị gia tăng trong trải nghiệm cho cộng đồng địa phương và khách du lịch. Tác giả đã tiến hành nghiên cứu đánh giá mức độ tham gia của người dân khu vực Rừng dừa Bảy Mẫu vào các hoạt động du lịch, cũng như nhận diện những nhân tố thúc đẩy và rào cản ảnh hưởng đến sự tham gia của cộng đồng.

Thông qua việc tham chiếu với mức độ tham gia (theo thang đo Pretty) thì cộng đồng địa phương chủ yếu tham gia ở mức độ khuyến khích và chức năng. Hình thức tham gia của cộng đồng tại Rừng dừa Bảy Mẫu chủ yếu là cung ứng dịch vụ du lịch và cung cấp nguồn lực lao động du lịch (chủ yếu là lao động phổ thông). Cộng đồng tham gia một cách tự phát và sao chép lẫn nhau. Đa số người dân tham gia khảo sát đều quan tâm và mong muốn tham gia vào hoạt động du lịch, các đối tượng khác nhau có nhu cầu tham gia ở các mức độ khác nhau. Người dân đã đánh giá cao giá trị tài nguyên du lịch và tiềm năng của hoạt động du lịch địa phương nhưng có xu hướng ngại ngần trong việc chuyển đổi sinh kế truyền thống sang ngành du lịch. Lý do chủ yếu là mức thu nhập từ ngành du lịch chưa cao, chưa ổn định và không đảm bảo sinh kế bền vững trong tương lai. Đồng thời, chưa có hệ thống các hoạt động tham vấn và đồng thuận khác nhau nhằm phản ánh các vị thế riêng biệt và các điều kiện khác nhau về quyền lợi. Điều này đặt ra nhu cầu cấp thiết phải xây dựng các cơ chế chính sách cụ thể về quyền quản lý và chia sẻ lợi ích công bằng.

Nghiên cứu cũng đã nhận diện các nhân tố thúc đẩy và những rào cản hạn chế sự đồng thuận và tham gia của cộng đồng tham gia vào hoạt động du lịch tại Rừng dừa Bảy Mẫu. Trong đó, nhận thức về tài nguyên và hoạt động du lịch tác động đến mức độ quan tâm và ý định tham gia của người dân. Các nhân tố về cơ chế, chính sách; nguồn lực hộ gia đình và lợi ích kinh tế là những nhân tố trực tiếp quyết định mức độ và kết quả tham gia hoạt động du lịch. Bên cạnh đó, kết quả cũng cho thấy mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố và mối quan hệ giữa các nhân tố, qua đó ảnh hưởng đến sự tham gia của cộng đồng. Đối với nhóm các nhân tố rào cản, đáng lưu ý ở đây là “tính thời vụ trong du lịch” làm cho cuộc sống của người dân không được ổn định. Những vấn đề liên quan đến việc chia sẻ lợi ích giữa các bên tham gia cũng tạo nên sự hạn chế tham gia của người dân.

Tác giả đã đề xuất các giải pháp cụ thể để tăng cường sự đồng thuận và tham gia của cộng đồng trong phát triển du lịch tại khu vực Rừng dừa Bảy Mẫu theo thứ tự ưu tiên như sau: nâng cao nhận thức, trình độ và kỹ năng của người dân về phát triển du lịch; nâng cao hiệu quả của quá trình tham vấn cộng đồng; giải pháp về cơ chế, chính sách; đánh giá khung chi phí và chia sẻ lợi ích công bằng hơn; tăng cường hoạt động đối thoại và gắn kết các bên liên quan; phát triển các sản phẩm và dịch vụ độc đáo để nâng cao giá trị văn hóa truyền thống của địa phương; giải pháp hỗ trợ phát triển doanh nghiệp du lịch cộng đồng. Thông qua đó tăng cường hơn nữa

sự đồng thuận và tham gia của cộng đồng địa phương vào hoạt động du lịch tại khu vực Rừng dừa Bảy Mẫu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Thanh Hương, Nguyễn Đức Hoa Cương (2007), Nghiên cứu các mô hình du lịch cộng đồng ở Việt Nam, *Tổ chức Phát triển Hà Lan SNV*, Trường Đại Học Hà Nội.
2. Mai Lệ Quyên (2017), Các nhân tố tác động đến sự tham gia của người dân trong phát triển dịch vụ du lịch bổ sung tại các điểm di tích lịch sử văn hóa tỉnh Quảng Trị, *Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Kinh tế và Phát triển*, 126(5D), 95–106.
3. Nguyễn Đình Hòa và Vũ Văn Hiếu (2001), *Du lịch bền vững*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội
4. Nguyễn Khắc Viện (1994), *Từ điển xã hội học*, Nxb Thế giới
5. Nguyễn Quyết Thắng, Nguyễn Văn Hóa (2012), Thực tiễn phát triển du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng – bài học kinh nghiệm cho vùng du lịch Bắc Trung Bộ, *Tạp chí phát triển kinh tế*, 257, 02-10
6. Nguyễn Thị Hải (2007), Cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc phát triển du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng ở Vườn Quốc gia Hoàng Liên – tỉnh Lào Cai, *Đề tài cấp Đại học Quốc gia*, 617.
7. Võ Quế (2006), *Du Lịch Cộng Đồng – Lý Thuyết Và Vận Dụng (Tập 1)*, NXB Khoa học và kỹ thuật.
8. Tổng cục du lịch Việt Nam (2013), *Bộ công cụ du lịch có trách nhiệm tại Việt Nam*, Chương trình Phát triển Năng lực Du lịch có trách nhiệm với Môi trường và Xã hội do Liên minh Châu Âu tài trợ
9. Attaallah and Al-ehewate (2016), Evaluating study for elements affecting tourism awareness in Jordan: Applied on Aqaba and Wadi Rum Areas, *International Journal of Heritage, Tourism, and Hospitality*, 8(1)
10. Brohman (1996), New directions in tourism for third world development, *Annals of tourism research*, 23 (1), 48–70
11. Jurowski, Gursoy (2004), Distance effects on residents' attitudes toward tourism, *Annals of Tourism Research*, 31(2), 296-312
12. Kayat, K. (2002), Power, Social Exchanges and Tourism in Langkawi: Rethinking Resident Perceptions, *International Journal of Tourism Research*, 4, 171–191.
13. Linus Yamane (1986), Relative price changes and the real distribution of income: The case of Brazil, *Economics Letters*, 20(3), 217-220
14. Phạm Hồng Long (2012), *Tourism impacts and support for tourism development in Ha Long Bay, Vietnam: An examination of residents' perceptions*, *Asian Social Science*, 8(8), 28–39
15. Phạm Minh Hương (2013), *Local residents' attitudes and participation in tourism development in Ba Be National Park, Vietnam*, Master thesis, Daegu University

16. Pretty J (1995), Participatory learning for sustainable agriculture, *World development*, Vol.23(No.8), 1247-1263.
17. Pretty J & Hine R (1999), Participatory appraisal for community assessment Centre for Environment and Society, *University of Essex*
18. Sherry Arnstein (1971), The ladder of citizen participation, *Journal of the Royal Town Planning Institute*, 57(1), 176-182.
19. Thammajinda R (2013), *Community participation and social capital in tourism planning and management in a Thai context*, Thesis of Doctor Philosophy, Lincoln University, New Zealand.
20. The International Ecotourism Society– TIES (2006), *TIES Global Ecotourism Fact Sheet*, TIES, Washington, USA.
21. Tosun C (1999), *Towards a Typology of Community Participation in the Tourism Development Process*, Anatolia
22. Tosun C (2000), Limits to community participation in the tourism development process in developing countries, *Tourism Management*, 613–633
23. Tosun C. (2005), Stages in the emergence of a participatory tourism development approach in the developing world, *Geoforum*, 36, 333–352
24. WWF (2017), *Guidelines for community-based ecotourism development*, http://www.wwf.org.uk/filelibrary/pdf/community_based_ecotourism.pdf, truy cập ngày 23/08/2018.

LOCAL COMMUNITY PARTICIPATION IN DEVELOPING COMMUNITY-BASED ECOTOURISM AT BAY MAU CAM THANH COCONUT FOREST – HOI AN

Nguyen Bui Anh Thu, Trương Thị Thu Hà, Lê Minh Tuấn

School of Hospitality and Tourism, Hue University, 22 Lam Hoang St., Hue, Vietnam

Abstract: Community-based ecotourism not only contributes to local economic development but also encourages the preservation of traditional values and natural landscapes. This study was conducted at Bay Mau Coconut Forest – Hoi An, where community ecotourism activities are known by many tourists, to analyze the current situation of local community participation and assess the motivating factors and barriers affecting community participation in tourism activities. The results show that participation is formal and passive with four enhancing and two hindering factors. Several implications are proposed to improve community consensus and participation in tourism activities.

Keywords: participation, local community, community - based ecotourism, Bay Mau, Hoi An